| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HƯNG**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST
Ngày 01/3/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiển
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa***: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984
- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1986

Đều cùng địa chỉ: Thôn S, xã G, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa có mặt chị T, anh T1)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày**: Chị và anh Phạm Văn T1 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã G), huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 15/4/2009. Sau khi kết hôn chung sống tại thôn S, xã H (nay là xã G), huyện ĐH, tỉnh TB .Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Phạm Văn T1.

**Về con chung**: Chị và anh T1 có 03 con chung là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009; Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn, chị xin nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị là công nhân công ty Sợi TL ở thành phố TB thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/01 tháng. Từ tháng 6/2022 chị không ở nhà chồng, 03 con chung của chị và anh T1 do bố mẹ chồng chăm sóc, nuôi dưỡng và đi học tại trường tiểu học và trung học cơ sở G ở xã G, huyện ĐH, tỉnh TB. Từ ngày 21/12/2022 chị tự ý đưa 03 con chung ra ngoài sinh sống và thuê nhà trọ ở thành phố TB. Hiện các con vẫn đang học tại trường tiểu học và trung học cơ sở G.

**Về tài sản**: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Anh Phạm Văn T1 là bị đơn trình bày**: Anh và chị Phạm Thị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã G), huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 15/4/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn S, xã H (nay là xã G), huyện ĐH, tỉnh TB. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

**Về con chung**: Anh và chị T có 03 con chung là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009; Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn, anh xin nuôi con Phạm Thị Huyền T3, để chị T trực tiếp nuôi con Phạm Thị Tú A và con Phạm Khánh V. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Từ tháng 6/2022 chị T không ở nhà chồng, 03 con chung do bố mẹ anh và anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ ngày 21/12/2022 Chị T tự ý đưa 03 con chung ra ngoài sinh sống. Hiện anh làm đầu bếp nấu ăn cho nhà hàng, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/01 tháng.

**Về tài sản**: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

Chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Phạm Văn T1. Chị và anh T1 có 03 con chung là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009; Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn, anh T1 xin nuôi con Huyền T3 để chị nuôi con Tú A và con Khánh V và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng chị đồng ý. Hiện chị đang trực tiếp nuôi 03 con chung, các con hiện đang học tại trường tiểu học và trung học cơ sở Đ ở xã Đ, huyện VT, tỉnh TB. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T1 có ý kiến: Chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Anh và chị T có 03 con chung là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009; Phạm Thị Huyền T3,

sinh ngày 26/07/2013 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn, anh xin được nuôi con Huyền T3 để chị T trực tiếp nuôi con Tú A và con Khánh V, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phạm Thị T, bị đơn anh Phạm Văn T1 đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh Phạm Văn T1. Về con chung đề nghị xử giao con chung Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng, kể từ tháng 3/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, chị T, anh T1 khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản. Chị T, anh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T1 có địa chỉ tại xã G, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T1 kết hôn ngày 15/4/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã G), huyện ĐH, tỉnh TB là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn. Ủy ban nhân dân xã G, huyện ĐH, tỉnh TB đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009; Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 và Phạm

Khánh V, sinh ngày 24/9/2015. Ly hôn, chị T xin nuôi cả 03 con chung, trường hợp anh T1 xin nuôi con Huyền T3 để chị nuôi con Tú A và con Khánh V và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng chị đồng ý. Anh T1 xin được nuôi con Phạm Thị Huyền T3 để chị T trực tiếp nuôi con Phạm Thị Tú A và con Phạm Khánh V, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng. Cháu Tú A, cháu T3, cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị T và anh T1 là chính đáng. Tuy nhiên, hiện chị T làm công nhân thu nhập 10.000.000 đồng/01 tháng nếu nuôi cả 03 con chung không thể đảm bảo việc nuôi dạy các cháu đầy đủ được. Ủy ban nhân dân xã G có ý kiến nếu giao cả 03 con chung cho một người bố hoặc mẹ thì không thể nuôi dạy các cháu đảm bảo được. Bố mẹ anh T1 còn khỏe và thực tế từ trước đến nay bố mẹ anh T1 là người trực tiếp chăm sóc 03 con chung của chị T, anh T1. Anh T1 có đủ điều kiện để nuôi dạy con. Đề nghị Tòa án giao cho anh T1 nuôi một hoặc hai con chung của anh T1 và chị T. Vì vậy, cần giao con chung Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 cho anh Phạm Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng là tự nguyện cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Về án phí: Chị T và anh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T1.

**2. Về con chung**: Xử giao con chung Phạm Thị Tú A, sinh ngày 15/9/2009 và Phạm Khánh V, sinh ngày 24/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Thị Huyền T3, sinh ngày 26/07/2013 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phạm Thị Tú A và Phạm Khánh V cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng, kể từ tháng 3/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung**: Tòa án không giải quyết về tài sản.

**4. Về án phí**: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003042 ngày 24/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

**5. Về quyền kháng cáo**: Chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơinhận:**
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã G;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
***Đã ký***

**Phạm Thị Lan Phương**